TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2024/HS-PT
Ngày: 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn
ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa*: bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 624/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Lã Thị V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1010/2024/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lã Thị V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1982 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký HKTT: 0 T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trú tại: 1 T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Lã Xuân T và con bà Bùi Thị L; bị cáo có chồng tên là Phạm Văn H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012 và con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 17 tháng 3 năm 2022, có mặt tại phiên toà.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Đại H1, Văn phòng luật sư

Trương Thị P - thuộc Đoàn luật sư tỉnh G, có mặt tại phiên toà.

3. Bị hại: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; trú tại: H P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên toà.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Vũ Quang K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh G, có mặt tại phiên toà.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

5.1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980; trú tại: 1 T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên toà.

5.2. Anh Lã Xuân T1, sinh năm 1989; trú tại: 9 P, phường Y, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

5.3. Anh Lã Xuân H2, sinh năm 1985; trú tại: E L, phường Y, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H và Lã Thị V là vợ chồng. Ngày 17 tháng 02 năm 2012, vợ chồng V - Hướng thành lập Công ty TNHH S (Công ty S), trụ sở tại đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, ngành nghề kinh doanh là gia công sản xuất, lắp ráp các loại cửa cuốn, do Phạm Văn H làm Giám đốc, Lã Thị V phụ trách việc quản lý tài chính của Công ty S.

Quá trình kinh doanh, vợ chồng Lã Thị V đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại Ngân hàng và vay tiền của nhiều cá nhân như bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị B, Đinh Hồng T2… để đầu tư kinh doanh. Đến đầu năm 2021, Lã Thị V còn nợ bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Do không có tiền để trả nợ, vợ chồng V đã đăng tin bán căn nhà 1 T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai để thanh toán khoản vay tại Ngân hàng và trả nợ cho bà N nhưng không có người mua.

Sau đó, vợ chồng V đã thỏa thuận bán căn nhà trên cho bà N với số tiền là 2.900.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm triệu đồng), trong đó cấn trừ số tiền V đang nợ bà N 900.000.000 đồng, còn lại bà N phải trả thêm cho vợ chồng V là 2.000.000.000 đồng. Đồng thời, vợ chồng V nói cho bà N biết tài sản này vợ chồng V đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP A (A1) – Chi nhánh C, bà nguyện đồng ý. Ngày 16 tháng 9 năm 2021, vợ chồng V viết "*Giấy bán nhà*" với nội dung: "Bên bán (H - V) đồng ý bán và bên mua (Nguyện) đồng ý mua căn nhà địa chỉ 1 T, phường Y, P, Gia Lai với giá 2.900.000.000 đồng. Bên mua đặt cọc 900.000.000 đồng. Số còn lại sau khi công chứng bên mua sẽ thanh toán tiếp số tiền là 2.000.000.000 đồng. Nếu bên mua sau khi công chứng chưa lo

được tiền thì sau khi bìa đỏ được sang tên cho bên mua thì bên mua sẽ thanh toán hết số tiền còn lại và bên mua sẽ chịu tất cả các khoản chi phí phát sinh".

Sau đó, bà N nhiều lần yêu vợ chồng V làm thủ tục sang tên căn nhà trên theo thỏa thuận nhưng vợ chồng V nói không vay được tiền để tất toán khoản vay tại Ngân hàng. Tại thời điểm này, Lã Thị V còn nợ tiền của nhiều cá nhân như Sou Thị M, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4… và bị các cá nhân này liên tục đòi nợ. Vì trước đó có thời gian làm trong ngành Ngân hàng nên Lã Thị V biết được quy trình nộp tiền vào tài khoản mới tất toán được khoản vay, cho nên vì muốn có tiền trả nợ cho các khoản vay trước đó và chiếm đoạt tiền để mua đất bán lại kiếm lời, Lã Thị V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc mua nhà của bà Nguyễn Thị N. Từ ý định này, V đã nói với Phạm Văn H đến nhà gặp bà N xin ứng trước số tiền đặt cọc là 1.900.000.000 đồng (bằng số tiền mà vợ chồng V đang thế chấp GCNQSDĐ tại Ngân hàng A) để rút bìa đỏ ra sang tên cho bà N. Phạm Văn H không biết mục đích của V là chiếm đoạt tiền của bà N nên đã đến gặp bà N để trao đổi về nội dung trên, tin tưởng việc H nói là thật nên bà N đồng ý. Ngày 07 tháng 10 năm 2021, Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N lập "*Hợp đồng đặt cọc mua bán đất*" với nội dung: Bên đặt cọc (bên A) là bà N; Bên nhận đặt cọc (bên B) là Phạm Văn H - Lã Thị V. Nội dung: thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 (nhà gắn liền với đất). Tổng số tiền: 2.900.000.000 đồng. Đặt cọc lần 1 là 900.000.000 đồng, lần 2 là: 1.900.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng. Xong giấy tờ đầy đủ trả tiền cho bên bán. Nếu bên B không bán nữa thì phải bồi thường cho bên A bằng số tiền mà bên A đã đặt cọc cho bên B. Ngược lại nếu bên B không mua nữa thì bên B phải chịu mất số tiền bên B đã đặt cọc cho bên A. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản". Sau khi bà N và H ký vào Hợp đồng đặt cọc, H mang về nhà đưa cho Lã Thị V ký vào mục "*Đại diện bên B*".

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang D (sinh năm 1972; trú tại: B P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đến Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G - thành phố P) gặp Phạm Văn H. Tại đây, H liên lạc với bà Vũ Thị Huyền T3 (sinh năm 1994; trú tại: thôn G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai là nhân viên tín dụng phụ trách khoản vay thế chấp tài sản của vợ chồng H tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G - PGD C) để hỏi về "số tiền nợ gốc và lãi khoản vay của Công ty S là bao nhiêu để thanh toán khoản vay và rút bìa đỏ ra", " nộp tiền thanh toán khoản vay ở đâu", "sáng nay nộp thì chiều nay rút bìa ra được không?". Sau đó, bà T3 kiểm tra trên hệ thống rồi báo cho H biết tổng số tiền phải thanh toán nợ cho khoản vay tính đến ngày 11 tháng 10 năm 2021 là 1.951.000.000 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi mốt triệu đồng) và nhắn tin

cho H "Dư nợ 1.846.000.000; thẻ tín dụng: 105.000.000". Đồng thời, bà T3 trả lời "nộp tiền vào tài khoản vay cho Ngân hàng A ở thành phố P hoặc Chư sê đều được", "nếu sáng nay nộp thì mai mới rút được bìa, chiều sợ không kịp, sáng mai ông H xuống chư Sê thì T3 làm thủ tục rút bìa cho". Sau đó, H nói cho bà N biết về tổng số tiền phải nộp vào Ngân hàng là 1.951.000.000 đồng. Bà N đồng ý và đưa tiền cho H, H viết vào mặt sau của "*Hợp đồng đặt cọc mua bán đất*" với nội dung "Cháu Phạm Văn H có nhận thêm 51.000.000 đồng". Sau khi H nộp số tiền trên vào tài khoản vay của Công ty S mở tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh G (tài khoản số 1611 013 069 083), H đưa "Phiếu nộp tiền mặt" cho bà N và hẹn sáng ngày 12 tháng 10 năm 2021 đi cùng với H đến huyện C làm thủ tục xóa thế chấp, rút GCNQSDĐ để sang tên cho bà N.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Lã Thị V nhận được tin nhắn của Ngân hàng thông báo tài khoản 1611013069083 phát sinh số tiền 1.951.000.000 đồng, V đã chiếm đoạt hết, cụ thể : V đã chuyển từ tài khoản 1611013069083 sang tài khoản của V (tài khoản số 6666666) số tiền 1.950.000.000 đồng và từ tài khoản này V tiếp tục chuyển sang tài khoản của V (tài khoản số 0291000282135) số tiền 1.800.000.000 đồng. Sau đó, từ tài khoản số 0291000282135 V chuyển sang tài khoản của Lã Xuân T1 (tài khoản số 0461000632082) số tiền 1.140.000.000 đồng để trả nợ cho bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4…, đặt tiền cọc mua đất và chi tiêu trong gia đình. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Phạm Văn H thấy tin nhắn trên điện thoại thông báo số tiền 1.950.000.000 đồng đã được chuyển sang tài khoản của Lã Thị V, nên H hỏi V thì V nói đã rút hết số tiền trên để trả nợ, việc V làm thì V tự chịu trách nhiệm.

Đến sáng ngày 12 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị N gặp Phạm Văn H thì H nói với bà N "*Chiều qua* V *rút hết tiền của cô rồi, bây giờ nó đi đâu cháu không biết, cháu không liên lạc được*"

Sau khi chiếm đoạt tiền của bà N, khoảng 05 giờ ngày 12 tháng 10 năm 2022 V cùng con là Phạm Minh K1 (sinh năm 2018) đến khu Công nghiệp T (chưa xác định được địa chỉ) thuê phòng trọ để ở. Ngày 14 tháng 10 năm 2022, V cùng con chuyển đến nhà vợ chồng anh Vũ Mạnh Đ (trú tại thôn C, xã K, Đ), đến ngày 22 tháng 10 năm 2022 thì về nhà. Trong thời gian V bỏ trốn, H đã nhiều lần liên lạc với V để hỏi về nơi ở của V và động viên V về nhà để tìm cách khắc phục hậu cho bà N. Đồng thời, H nhiều lần đến gặp bà N để thương lượng nhưng không được. Ngày 25 tháng 10 năm 2021, bà N đã làm Đơn tố cáo Lã Thị V và Phạm Văn H đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh G về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng số: 59/CT-VKS-P1 ngày 05 tháng 4 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lã Thị V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngày 06 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số: 12/2023/HSST-QĐ với nội dung: điều tra làm rõ hành vi của Phạm Văn H có đồng phạm với Lã Thị V; Lã Xuân T1 có đồng phạm với Lã Thị V hoặc có hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người kháng phạm tội mà có. Ngày 02 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có Công văn số: 1148/VKS-P1 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo như Cáo trạng số: 59/CT-VKS-P1 ngày 05 tháng 4 năm 2023.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lã Thị V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lã Thị V 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2022.

3. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lã Thị V và anh Phạm Văn H liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.201.000.000 đồng (một tỷ hai trăm lẻ một triệu đồng);

Buộc bị cáo Lã Thị V và anh Phạm Văn H trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 bị cáo Lã Thị V kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 bị hại Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: xem xét hành vi đồng phạm của Phạm Văn H với Lã Thị V; xem xét vai trò của Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh G; buộc những người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường cho Bà.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 anh Phạm Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm xem xét khoản nợ 900.000.000đ đối với bà N.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm một phần bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị huỷ bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự để xét xử sơ thẩm lại, đưa 06 người gồm: bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và buộc những người này có trách nhiệm trả lại cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.140.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lã Thị V, bị hại Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn H trình bày giữ nguyên kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Lã Thị V, bị hại Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn H và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo V nộp khắc phục được 20.000.000đ thể hiện tại Biên lai thu của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, so với số tiền bị cáo chiếm đoạt phải bồi thường là không đáng kể. Bị cáo Lã Thị V chiếm đoạt của bị hại số tiền 1.951.000.000đ. Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lã Thị V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại, bị cáo V đã chuyển cho Lã Xuân T1 và T1 chuyển cho 06 người là bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 để trả nợ cho V. Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Lã Thị V và anh Phạm Văn H liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.201.000.000đ và trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 900.000.000đ là chưa chính xác. Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm không đưa 06 người gồm bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan để buộc 06 người này có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận từ T1 là 1.140.000.000đ cho bị hại Nguyễn Thị N là vi phạm khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lã Thị V; không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm

Văn H và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N về việc buộc một số người có liên quan trả lại tiền cho bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lã Thị V; huỷ bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự để xét xử sơ thẩm lại, đưa 06 người gồm: bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và buộc những người này có trách nhiệm trả lại cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.140.000.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, tôi không tranh luận. Bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, sau xét xử sơ thẩm đã tác động gia đình bồi thường được 20.000.000đ (nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Gia Lai). Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Lã Thị V đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Luật sư K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ vai trò của ông H, ông H có thủ đoạn gian dối không nộp tiền vào tài khoản vay mà nộp vào tài khoản Công ty, đây vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên, ông H với bị cáo V là vợ chồng, nên bà N vẫn muốn để ông H ở ngoài pháp luật để khắc phục hậu quả cho bà, nhưng không thấy có thiện chí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ điều tra lại để xét xử không để bỏ lọt tội phạm. Bà N đồng ý với quan điểm của Luật sư K.

Ông Phạm Văn H trình bày: dòng tiền vợ tôi rút từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân, tôi không sử dụng một đồng nào, tôi rất thiện chí, khi có người muốn mua đất tôi muốn bán nhưng các cơ quan không hợp tác. Tôi khẳng định số tiền 900.000.000đ có thật, nhưng giá trị không chính xác, trong khoảng 2 năm bà nguyện đã lấy 500 triệu tiền lãi, việc vay mượn cũng không có giấy tờ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Nói lời sau cùng, bị cáo Lã Thị V nhận thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các ngày 20, 21, 27 tháng 11 năm 2023 bị cáo Lã Thị V, bị hại Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 07 tháng 12 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

kháng nghị phúc thẩm một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị phúc thẩm:

[2.1] Về tội danh:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lã Thị V nhận tội, thể hiện: Lã Thị V và Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết nhau và có cho nhau mượn tiền. Đến thời điểm năm 2021, Lã Thị V còn nợ Nguyễn Thị N 900.000.000 đồng. Từ đây, Lã Thị V cùng chồng là Phạm Văn H nhiều lần gặp bà N để thỏa thuận bán căn nhà của vợ chồng V, H tại 1 T, phường Y, thành phố P cho bà N để trừ nợ và để lấy tiền chênh lệch trả Ngân hàng, nhưng thỏa thuận đều không thành công. Do đó, Lã Thị V nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà N, cụ thể: V đồng ý bán cho bà N nhà, đất tại 1 T, phường Y, thành phố P với giá 2.900.000.000 đồng và yêu cầu bà N phải chuyển số tiền 1.951.000.000 đồng vào Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh G, phòng G1 để rút thế chấp GCNQSDĐ để thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho bà N. Ngày 11 tháng 10 năm 2021 bà N nộp số tiền 1.951.000.000 đồng và tài khoản vay của Công ty S tại Ngân hàng TMCP A. Khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, Lã Thị V thực hiện lệnh chuyển toàn bộ số tiền 1.951.000.000 đồng qua tài khoản cá nhân của Lã Thị V và bỏ đi khỏi nơi cư trú chiếm đoạt tiêu xài, trả nợ cho cá nhân. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Lã Thị V phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lã Thị V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*;

…

Bị cáo Lã Thị V bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có quy định khung hình phạt tù đến chung thân, thuộc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt gấp gần 04 lần mức khởi điểm của khung hình phạt bị xét xử. Hành vi phạm tội của bị cáo Lã Thị V là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, làm ảnh hưởng

xấu đến trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định về tính chất, hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó xử phạt bị cáo Lã Thị V 14 (mười bốn) năm tù là có căn cứ.

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả được 20.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000626 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Xét thấy: đối chiếu tính chất hành vi phạm tội, hậu quả mà bị cáo gây ra thì việc bồi thường số tiền 20.000.000đ sau khi xét xử sơ thẩm so với số tiền bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường là không không đáng kể, không có ý nghĩa nhiều đối với phần trách nhiệm dân sự còn lại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lã Thị V và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N; không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H.

[2.4] Quá trình điều tra, lời khai nhận của bị cáo Lã Thị V, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu chứng cứ do Cơ quan Điều tra thu thập thể hiện:

Sau khi bị cáo Lã Thị V chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.951.000.000 đồng, bị cáo đã chuyển vào tài khoản của Lã Xuân T1 và T1 tiếp tục chuyển cho 06 người là bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 để trả nợ cho V. Đây là tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp, có nguồn gốc từ tội phạm nên bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 không có quyền sở hữu. Lẽ ra, Toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án phải triệu tập bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 tham gia tố tụng tại phiên toà với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan để tuyên buộc những người này có trách nhiệm trả lại tổng số tiền đã nhận là 1.140.000.000đ cho bị hại Nguyễn Thị N. Toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không triệu tập bà Sou Thị M, Vũ Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 tham gia tố tụng tại phiên toà với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, giải quyết vụ án không triệt để, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị N. Vi phạm khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N, huỷ bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, giao hồ sơ vụ án về cho Toà án cấp sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại phần trách nhiệm dân sự theo đúng quy định của pháp luật, đưa 06 người gồm: bà Sou Thị M, Vũ

Mạnh Đ, Lê Thị Thúy N1, Trần Thị Ngọc H3, Lã Xuân H2, Nguyễn Văn H4 tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và buộc những người này có trách nhiệm trả lại cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.140.000.000đ theo số tiền thực nhận của từng người.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lã Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lã Thị V và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N; không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị N, huỷ bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án cấp sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại phần trách nhiệm dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tuyên xử:

2.1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lã Thị V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2.2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lã Thị V 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: huỷ nội dung buộc bị cáo Lã Thị V và anh Phạm Văn H liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.201.000.000 đồng (một tỷ hai trăm lẻ một triệu đồng) và nội dung buộc bị cáo Lã Thị V và anh Phạm Văn H trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án cấp sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại phần trách nhiệm dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tiếp tục quy trữ số tiền 20.000.000đ gia đình bị cáo V nộp theo Biên lai thu tiền số 0000626 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo thi hành án khi giải quyết lại vụ án.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lã Thị V phải chịu 200.000đ.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)		*(Đã ký)*
Phạm Tồn	**Đặng Kim Nhân**	**Trần Quốc Cường**